

Số: /TB-ĐHQN

Gia Lai, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
Kết quả xét tuyển trong Kỳ tuyển sinh thạc sĩ đợt 1 năm 2026

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-ĐHQN ngày 25/02/2025 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh thạc sĩ (sửa đổi, bổ sung) của Trường Đại học Quy Nhơn; Quyết định số 665/QĐ-ĐHQN ngày 04/3/2026 của Hiệu trưởng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh thạc sĩ (sửa đổi, bổ sung) ban hành kèm theo Quyết định số 627/QĐ-ĐHQN ngày 25/02/2025; Quyết định số 1878/QĐ-ĐHQN ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Thông báo số 373/TB-ĐHQN ngày 06/3/2026 của Hiệu trưởng về tuyển sinh thạc sĩ đợt 1 năm 2026; Thông báo số 2203/TB-ĐHQN ngày 09/7/2026 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh thạc sĩ đợt 1 năm 2026;

Căn cứ Biên bản số 136/BB-HĐTS ngày 05/8/2026 của Hội đồng tuyển sinh thạc sĩ năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-ĐHQN ngày 05/8/2026 của Hiệu trưởng về việc công nhận ứng viên trúng tuyển trong Kỳ tuyển sinh thạc sĩ đợt 1 năm 2026.

Trường Đại học Quy Nhơn thông báo kết quả xét tuyển trong Kỳ tuyển sinh thạc sĩ đợt 1 năm 2026 (có danh sách kèm theo). Thông tin cụ thể như sau:

STT	Ngành đăng ký dự tuyển	Mã ngành	Số lượng/Điểm chuẩn trúng tuyển đã quy đổi
1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	8140111	24/9.16
2	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	8140110	39/8.48
3	Ngôn ngữ Anh	8220201	25/8.20
4	Ngôn ngữ học	8229020	30/7.56
5	Khoa học máy tính	8480101	20/7.30
6	Vật lý chất rắn	8440104	20/7.24
7	Quản trị kinh doanh	8340101	35
8	Phương pháp toán sơ cấp	8460113	33
9	Quản lý giáo dục	8140114	33
10	Quản lý kinh tế	8310110	22

11	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119	18
12	Lịch sử Việt Nam	8229013	17
13	Chính trị học	8310201	16
14	Tài chính - Ngân hàng	8340201	15
15	Hóa vô cơ	8440113	13
16	Toán giải tích	8460102	12
17	Khoa học dữ liệu	8460108	11
18	Kế toán	8340301	10
19	Kỹ thuật điện	8520201	9
20	Sinh học thực nghiệm	8420114	7
21	Địa lý tự nhiên	8440217	5
22	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục Thể chất)	8140111	1

Ứng viên trúng tuyển trong Danh sách kèm theo thực hiện thủ tục nhập học theo Thông báo nhập học, Giấy báo nhập học của Trường. Riêng ứng viên trúng tuyển thuộc ngành *Địa lý tự nhiên* và ngành *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục Thể chất)* được bảo lưu kết quả trúng tuyển và nhập học cùng với ứng viên trúng tuyển trong Kỳ tuyển sinh thạc sĩ đợt 2 năm 2026 của Trường (*dự kiến nhập học vào đầu tháng 12/2026*).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các ứng viên;
- Các đơn vị liên quan;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TRONG KỲ TUYỂN SINH THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHQN ngày /8/2026 của Hiệu trưởng)

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
1	1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đoàn Huỳnh Trúc Mơ	Nữ	01/07/2004	Kinh	10.34	Trúng tuyển
2	2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Hiếu Thảo	Nữ	12/04/2002	Kinh	10.04	Trúng tuyển
3	3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Minh Khuê	Nữ	24/02/2000	Kinh	9.96	Trúng tuyển
4	4	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Hồng Phúc	Nam	28/07/2003	Kinh	9.93	Trúng tuyển
5	5	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Bùi Thị Bảo Hiền	Nữ	05/09/2003	Kinh	9.74	Trúng tuyển
6	6	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Nguyễn Thùy Duyên	Nữ	12/09/2004	Kinh	9.64	Trúng tuyển
7	7	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phan Kiều My	Nữ	02/01/2001	Kinh	9.56	Trúng tuyển
8	8	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Huỳnh Giang Băng	Nữ	10/02/2004	Kinh	9.55	Trúng tuyển
9	9	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Bùi Cao Khánh Linh	Nữ	09/09/2004	Kinh	9.53	Trúng tuyển
10	10	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Hoàng Nhi	Nữ	07/11/2004	Kinh	9.48	Trúng tuyển
11	11	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Uyên Nhi	Nữ	18/11/2003	Kinh	9.47	Trúng tuyển
12	12	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Võ Thị Ly	Nữ	25/08/2004	Kinh	9.45	Trúng tuyển
13	13	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Bùi Thị Xuân Ngân	Nữ	12/09/2004	Kinh	9.45	Trúng tuyển
14	14	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Võ Thị Thủy Tiên	Nữ	23/04/2003	Kinh	9.45	Trúng tuyển
15	15	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Xuân Minh Hoàng	Nam	18/09/2004	Kinh	9.37	Trúng tuyển
16	16	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Mỹ Dung	Nữ	29/06/2002	Kinh	9.33	Trúng tuyển
17	17	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	24/07/2004	Kinh	9.33	Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
18	18	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Lê Hoàng Hạnh	Nữ	30/06/2004	Kinh	9.32	Trúng tuyển
19	19	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Minh Khuê	Nữ	21/07/2004	Kinh	9.32	Trúng tuyển
20	20	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Quỳnh Thư	Nữ	20/07/2002	Kinh	9.28	Trúng tuyển
21	21	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Hà Bảo Trân	Nữ	08/08/2004	Kinh	9.28	Trúng tuyển
22	22	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Dương Thị Thu Quyên	Nữ	03/12/2001	Kinh	9.25	Trúng tuyển
23	23	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Thị Tú Anh	Nữ	21/08/2003	Kinh	9.24	Trúng tuyển
24	24	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Ngọc Thái Thanh	Nữ	24/10/2003	Kinh	9.16	Trúng tuyển
25	25	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Vũ Mai Anh	Nữ	21/01/2004	Kinh	9.11	Không trúng tuyển
26	26	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Diễm Lệ	Nữ	16/11/2003	Kinh	9.11	Không trúng tuyển
27	27	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Bùi Mỹ Duyên	Nữ	03/11/2003	Kinh	9.04	Không trúng tuyển
28	28	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Ngọc Yến Nhi	Nữ	26/08/2004	Kinh	9.04	Không trúng tuyển
29	29	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Thị Hà Mi	Nữ	18/05/2003	Kinh	9.03	Không trúng tuyển
30	30	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Hương	Nữ	10/08/2003	Kinh	8.99	Không trúng tuyển
31	31	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đỗ Trần Huyền Trân	Nữ	05/05/2003	Kinh	8.98	Không trúng tuyển
32	32	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trịnh Minh Trâm	Nữ	28/07/2004	Kinh	8.93	Không trúng tuyển
33	33	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Hà Nhật Hiếu	Nam	07/05/2001	Kinh	8.92	Không trúng tuyển
34	34	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Dương Phú Thị Bích Phương	Nữ	01/03/2004	Kinh	8.91	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
35	35	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Minh Hiếu	Nữ	13/10/2004	Kinh	8.90	Không trúng tuyển
36	36	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Hồ Thu Quang	Nữ	20/09/2004	Kinh	8.88	Không trúng tuyển
37	37	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Huỳnh Thùy Phương Uyên	Nữ	02/09/2003	Kinh	8.86	Không trúng tuyển
38	38	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Phạm Thanh Thuor	Nữ	02/02/2001	Kinh	8.81	Không trúng tuyển
39	39	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Thị Minh Hồng	Nữ	24/01/2003	Kinh	8.80	Không trúng tuyển
40	40	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Xuân Quỳnh	Nữ	13/09/2002	Kinh	8.78	Không trúng tuyển
41	41	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trương Hạ My	Nữ	16/08/2004	Kinh	8.75	Không trúng tuyển
42	42	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	10/01/1995	Kinh	8.71	Không trúng tuyển
43	43	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Yến Vy	Nữ	16/10/2004	Kinh	8.70	Không trúng tuyển
44	44	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Song Khánh Huyền	Nữ	23/12/2004	Kinh	8.69	Không trúng tuyển
45	45	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Bùi Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	19/10/1989	Kinh	8.69	Không trúng tuyển
46	46	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	28/06/2001	Kinh	8.67	Không trúng tuyển
47	47	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đỗ Thị Thanh Thao	Nữ	18/08/2003	Kinh	8.66	Không trúng tuyển
48	48	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	10/09/1992	Kinh	8.61	Không trúng tuyển
49	49	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Ánh Dương	Nữ	19/12/2004	Kinh	8.58	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
50	50	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trương Thị Mỹ Hiền	Nữ	14/11/2001	Kinh	8.57	Không trúng tuyển
51	51	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đinh Quỳnh Nga	Nữ	11/08/2004	Kinh	8.57	Không trúng tuyển
52	52	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	14/08/2000	Kinh	8.57	Không trúng tuyển
53	53	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Thị Tuyết Mai	Nữ	30/03/1995	Kinh	8.56	Không trúng tuyển
54	54	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Thị Khánh Vân	Nữ	29/10/2001	Kinh	8.56	Không trúng tuyển
55	55	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Võ Phúc Hồng	Nữ	13/03/2000	Kinh	8.55	Không trúng tuyển
56	56	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Võ Thùy Dung	Nữ	30/04/2003	Kinh	8.54	Không trúng tuyển
57	57	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Châu Thị Ngọc Ánh	Nữ	08/07/2004	Kinh	8.50	Không trúng tuyển
58	58	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đặng Thị Huỳnh Hoa	Nữ	26/12/1991	Kinh	8.50	Không trúng tuyển
59	59	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Huỳnh Thuý Ngọc	Nữ	12/10/1996	Kinh	8.48	Không trúng tuyển
60	60	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Khánh Quyên	Nữ	20/11/2002	Kinh	8.47	Không trúng tuyển
61	61	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Trần Cẩm Vân	Nữ	16/08/2002	Kinh	8.47	Không trúng tuyển
62	62	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Võ Thị Mỹ Diệu	Nữ	02/11/2003	Kinh	8.43	Không trúng tuyển
63	63	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Nguyễn Hoàng Ly	Nữ	15/08/2004	Kinh	8.43	Không trúng tuyển
64	64	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Dương Thị Thu Hiệu	Nữ	25/08/2002	Kinh	8.42	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
65	65	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đoàn Thị Quỳnh Hương	Nữ	07/03/2002	Kinh	8.42	Không trúng tuyển
66	66	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Huỳnh Thị Thu Trinh	Nữ	01/07/2001	Kinh	8.35	Không trúng tuyển
67	67	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Phương Bình	Nữ	01/01/2000	Kinh	8.24	Không trúng tuyển
68	68	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Nguyễn Út Duyên	Nữ	08/02/2004	Kinh	8.24	Không trúng tuyển
69	69	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trương Thanh Nhã	Nữ	10/01/1996	Kinh	8.20	Không trúng tuyển
70	70	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Nguyễn Yến Phương	Nữ	05/08/2003	Kinh	8.20	Không trúng tuyển
71	71	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	09/12/2000	Kinh	8.18	Không trúng tuyển
72	72	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Hoàng Ngô Như Quỳnh	Nữ	21/10/2004	Kinh	8.16	Không trúng tuyển
73	73	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Mai Yên Bình	Nữ	19/09/2003	Kinh	8.13	Không trúng tuyển
74	74	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đặng Lê Khải Hưng	Nam	13/02/2003	Kinh	8.06	Không trúng tuyển
75	75	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Thị Kim Anh	Nữ	28/11/1995	Kinh	8.05	Không trúng tuyển
76	76	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Huỳnh Thị Minh Tứ	Nữ	10/02/1990	Kinh	8.05	Không trúng tuyển
77	77	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	Nữ	10/04/2003	Kinh	8.04	Không trúng tuyển
78	78	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Hữu Quyết	Nam	26/10/2003	Kinh	8.00	Không trúng tuyển
79	79	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	18/01/2000	Kinh	8.00	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
80	80	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trương Thị Xuân Tuyền	Nữ	26/02/2004	Kinh	7.98	Không trúng tuyển
81	81	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Tiến Đạt	Nam	22/03/2002	Kinh	7.95	Không trúng tuyển
82	82	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Hưng Huyền	Nữ	14/11/1995	Kinh	7.93	Không trúng tuyển
83	83	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đặng Thị Kim Thoa	Nữ	06/12/2004	Kinh	7.92	Không trúng tuyển
84	84	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trịnh Huỳnh Gia Bảo	Nữ	09/10/2003	Kinh	7.90	Không trúng tuyển
85	85	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Võ Thị Mỹ Hào	Nữ	13/03/1995	Kinh	7.90	Không trúng tuyển
86	86	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Trang	Nữ	22/09/1989	Kinh	7.86	Không trúng tuyển
87	87	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Võ Ánh Ngọc	Nữ	07/09/2001		7.82	Không trúng tuyển
88	88	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Hương Nguyên	Nữ	24/03/1990	Kinh	7.79	Không trúng tuyển
89	89	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Tạ Thị Dương Nhiên	Nữ	13/04/1999	Kinh	7.78	Không trúng tuyển
90	90	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Hồ Thị Minh Hiếu	Nữ	22/04/2003	Kinh	7.72	Không trúng tuyển
91	91	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	05/09/1997	Kinh	7.71	Không trúng tuyển
92	92	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Lê Võ Ngọc Lý	Nữ	03/11/1988	Kinh	7.69	Không trúng tuyển
93	93	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Hà Phương Anh	Nữ	14/12/2000		7.67	Không trúng tuyển
94	94	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đỗ Thị Ngọc Thạch	Nữ	03/02/1992	Kinh	7.65	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
95	95	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Như Trinh	Nữ	24/10/2000	Kinh	7.65	Không trúng tuyển
96	96	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Thị Minh Tân	Nữ	15/12/1994	Kinh	7.58	Không trúng tuyển
97	97	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Khánh Ngọc Trân	Nữ	01/09/1994	Kinh	7.58	Không trúng tuyển
98	98	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Ma Thị Tuyết Nga	Nữ	16/01/1990	Kinh	7.57	Không trúng tuyển
99	99	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đoàn Thị Như Quỳnh	Nữ	06/10/1997	Kinh	7.50	Không trúng tuyển
100	100	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Bảo Trang	Nữ	12/01/2001	Kinh	7.49	Không trúng tuyển
101	101	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Bông	Nữ	12/10/1993	Kinh	7.44	Không trúng tuyển
102	102	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Trà My	Nữ	26/06/2002	Kinh	7.44	Không trúng tuyển
103	103	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Hồ Thị Bình An	Nữ	06/11/2003	Kinh	7.43	Không trúng tuyển
104	104	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Duy Chu Minh	Nữ	02/06/1990	Kinh	7.05	Không trúng tuyển
105	105	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Võ Phạm Bảo Ngọc	Nữ	04/12/2001	Kinh	6.97	Không trúng tuyển
106	106	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đinh Thị Huệ Giang	Nữ	04/10/1999	Kinh	6.90	Không trúng tuyển
107	107	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Đoàn Thị Ngọc Phê	Nữ	02/02/1990	Kinh	6.81	Không trúng tuyển
108	108	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Trần Thị Tuyết An	Nữ	30/01/1992	Kinh	6.80	Không trúng tuyển
109	109	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Hữu Đồng	Nam	13/10/1984	Kinh	6.68	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
110	110	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Thu Hiền	Nữ	16/02/1996	Kinh	6.67	Không trúng tuyển
111	111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Thị Tuyết Oanh	Nữ	26/05/1988	Kinh	6.53	Không trúng tuyển
112	112	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phan Thị Thắm	Nữ	01/05/1987	Kinh	6.46	Không trúng tuyển
113	113	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Phạm Thị Hương Ly	Nữ	11/06/1987	Kinh	6.45	Không trúng tuyển
114	114	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Nguyễn Thị Phương Chi	Nữ	02/07/1984	Kinh	6.42	Không trúng tuyển
115	115	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (tiếng Anh)	Võ Thị Ngọc Hà	Nữ	18/06/1992	Kinh	6.38	Không trúng tuyển
116	1	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Huỳnh Ngọc An	Nữ	01/12/2003	Kinh	10.22	Trúng tuyển
117	2	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Trương Tấn Huy	Nam	26/11/2004	Kinh	9.77	Trúng tuyển
118	3	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Đoàn Hồng Quyên	Nữ	03/08/2003	Kinh	9.64	Trúng tuyển
119	4	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Minh Quyên	Nữ	28/11/2003	Kinh	9.63	Trúng tuyển
120	5	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Kator Thị Na	Nữ	08/03/2004	Ra-glai	9.59	Trúng tuyển
121	6	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Minh Ánh	Nữ	09/08/2004	Kinh	9.56	Trúng tuyển
122	7	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Chu Thị Thu Trang	Nữ	05/10/2004	Kinh	9.52	Trúng tuyển
123	8	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	27/07/2003	Kinh	9.44	Trúng tuyển
124	9	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Hồng Thảo Vi	Nữ	14/12/2004	Kinh	9.43	Trúng tuyển
125	10	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Nhật Hương Đình	Nữ	01/07/2003	Kinh	9.42	Trúng tuyển
126	11	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Đinh Trương Nguyệt Tâm	Nữ	30/01/2001	Kinh	9.42	Trúng tuyển
127	12	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Hà My	Nữ	26/07/2003	Kinh	9.38	Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
128	13	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Huỳnh Thị Ngọc Trang	Nữ	18/07/2003	Kinh	9.38	Trúng tuyển
129	14	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Ngọc Điềm	Nữ	30/10/2003	Kinh	9.31	Trúng tuyển
130	15	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	03/03/2004	Kinh	9.28	Trúng tuyển
131	16	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Man Đức Hậu	Nam	07/04/2003	Kinh	9.17	Trúng tuyển
132	17	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	29/08/2003	Kinh	9.13	Trúng tuyển
133	18	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Hà Trần Thị Hoàng	Nữ	11/08/1996	Kinh	9.03	Trúng tuyển
134	19	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Hồ Thị Thảo Nguyên	Nữ	01/12/1995	Kinh	8.99	Trúng tuyển
135	20	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phạm Thị Thùy Trang	Nữ	03/05/2000	Kinh	8.99	Trúng tuyển
136	21	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Thị Ánh Tiên	Nữ	20/11/2003	Kinh	8.95	Trúng tuyển
137	22	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phạm Thị Mỹ Hoa	Nữ	20/06/2003	Kinh	8.87	Trúng tuyển
138	23	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Võ Thị Lệ Huyền	Nữ	05/05/2003	Kinh	8.86	Trúng tuyển
139	24	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Gia Linh	Nữ	18/06/1996	Kinh	8.84	Trúng tuyển
140	25	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	R'com H'trúc	Nữ	09/09/2003	Gia-rai	8.82	Trúng tuyển
141	26	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Đỗ Thị Thanh Nhân	Nữ	22/09/2003	Kinh	8.81	Trúng tuyển
142	27	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Thanh Lam	Nữ	04/11/2004	Kinh	8.80	Trúng tuyển
143	28	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	25/12/1994	Kinh	8.79	Trúng tuyển
144	29	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Đỗ Thị Thu Thủy	Nữ	03/10/2002	Kinh	8.77	Trúng tuyển
145	30	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lưu Bảo Đăng	Nữ	07/11/2003	Kinh	8.73	Trúng tuyển
146	31	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Bảo Châu	Nữ	03/12/2003	Kinh	8.70	Trúng tuyển
147	32	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Kim Nhu	Nữ	16/06/1999	Kinh	8.64	Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
148	33	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Võ Thị Lan Anh	Nữ	20/11/2003	Kinh	8.61	Trúng tuyển
149	34	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phan Minh Nhựt	Nữ	26/08/1995	Kinh	8.59	Trúng tuyển
150	35	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Mai Phương	Nữ	01/11/1989	Kinh	8.58	Trúng tuyển
151	36	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Thị Lành	Nữ	20/08/2000	Kinh	8.51	Trúng tuyển
152	37	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Huệ	Nữ	05/09/1995	Kinh	8.48	Trúng tuyển
153	38	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Vi Na	Nữ	16/04/2003	Kinh	8.48	Trúng tuyển
154	39	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Thị Hồng Thảo	Nữ	30/07/1996	Kinh	8.48	Trúng tuyển
155	40	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lương Thị Quỳnh	Nữ	20/01/2003	Thái	8.46	Không trúng tuyển
156	41	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Vũ Thị Kim Lan	Nữ	20/10/1993	Kinh	8.43	Không trúng tuyển
157	42	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Đặng Thị Mỹ Hợp	Nữ	04/09/2003	Kinh	8.42	Không trúng tuyển
158	43	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phạm Thị Tuyết Mai	Nữ	10/07/2003	Kinh	8.40	Không trúng tuyển
159	44	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Cù Mỹ Lệ	Nữ	06/08/2002	Kinh	8.38	Không trúng tuyển
160	45	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Hồ Thị Phương Linh	Nữ	14/05/2003	Kinh	8.34	Không trúng tuyển
161	46	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Nhân	Nữ	16/04/1994	Kinh	8.31	Không trúng tuyển
162	47	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phạm Bảo Yến	Nữ	24/12/2003	Kinh	8.28	Không trúng tuyển
163	48	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	11/07/2004	Kinh	8.27	Không trúng tuyển
164	49	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lý Thị Hoàng Nga	Nữ	11/11/2003	Nùng	8.27	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
165	50	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Thị Diễm Quỳnh	Nữ	11/01/2003	Kinh	8.25	Không trúng tuyển
166	51	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Ngô Kim Tuyền	Nữ	24/11/2001	Kinh	8.24	Không trúng tuyển
167	52	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Bích Liễu	Nữ	07/10/2003	Kinh	8.20	Không trúng tuyển
168	53	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	10/01/1993	Kinh	8.18	Không trúng tuyển
169	54	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	02/02/2002	Kinh	8.17	Không trúng tuyển
170	55	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Đinh Thị Trang	Nữ	03/09/2003	Ba-na	8.14	Không trúng tuyển
171	56	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phan Thị Hạ	Nữ	20/11/1997	Kinh	8.11	Không trúng tuyển
172	57	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Tô Quốc Trường	Nam	15/12/2003	Kinh	8.10	Không trúng tuyển
173	58	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Trâm Anh	Nữ	20/02/2003	Kinh	8.09	Không trúng tuyển
174	59	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Hoàng Thanh Nhã	Nữ	23/08/2003	Kinh	8.09	Không trúng tuyển
175	60	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Thị Vương	Nữ	17/09/1993	Kinh	8.07	Không trúng tuyển
176	61	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lý Thị Hồng Huê	Nữ	23/10/2001	Tày	8.06	Không trúng tuyển
177	62	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	02/09/2003	Kinh	8.04	Không trúng tuyển
178	63	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Hồ Thị Hiếu	Nữ	02/02/1992	Kinh	8.01	Không trúng tuyển
179	64	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nữ	24/06/1997	Kinh	7.99	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
180	65	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trương Thị Huế	Nữ	29/04/1994	Kinh	7.93	Không trúng tuyển
181	66	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phạm Thị Diễm Quỳnh	Nữ	15/06/2002	Kinh	7.93	Không trúng tuyển
182	67	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Trần Hoài My	Nữ	26/03/2003	Kinh	7.92	Không trúng tuyển
183	68	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phạm Thị Nhung	Nữ	20/04/1991	Kinh	7.88	Không trúng tuyển
184	69	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	08/04/1994	Kinh	7.85	Không trúng tuyển
185	70	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	12/11/1992	Kinh	7.76	Không trúng tuyển
186	71	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Võ Thị Sáu	Nữ	02/10/1998	Kinh	7.75	Không trúng tuyển
187	72	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Minh Châu	Nữ	01/12/1997	Kinh	7.68	Không trúng tuyển
188	73	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phạm Thị Tâm	Nữ	28/08/1989	Kinh	7.67	Không trúng tuyển
189	74	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	20/05/1991	Kinh	7.66	Không trúng tuyển
190	75	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Phạm Lâm Ngân	Nữ	15/06/1999	Kinh	7.65	Không trúng tuyển
191	76	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trương Thị Quế Trâm	Nữ	18/07/2003	Kinh	7.62	Không trúng tuyển
192	77	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Huỳnh Đoàn Tố Uyên	Nữ	05/05/2002	Kinh	7.62	Không trúng tuyển
193	78	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	04/03/1991	Kinh	7.50	Không trúng tuyển
194	79	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Võ Phương Trang	Nữ	09/01/1999	Kinh	7.50	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
195	80	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Lê Tuyết Nhung	Nữ	01/12/1997	Kinh	7.49	Không trúng tuyển
196	81	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	27/07/1999	Kinh	7.45	Không trúng tuyển
197	82	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Nguyễn Phúc Pha	Nữ	05/03/1988	Kinh	7.45	Không trúng tuyển
198	83	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Huỳnh Thanh Truyền	Nữ	24/08/1999	Kinh	7.45	Không trúng tuyển
199	84	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Cam	Nữ	02/01/1996	Kinh	7.44	Không trúng tuyển
200	85	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Muộn	Nữ	16/12/1992	Kinh	7.44	Không trúng tuyển
201	86	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	08/02/1996	Kinh	7.44	Không trúng tuyển
202	87	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	16/11/1995	Kinh	7.36	Không trúng tuyển
203	88	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Ngô Thị Huyền Trâm	Nữ	03/09/1995	Kinh	7.28	Không trúng tuyển
204	89	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Nguyễn Thị Xuân Thu	Nữ	20/07/1990	Kinh	7.25	Không trúng tuyển
205	90	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Trần Thị Mỹ Nhung	Nữ	03/03/1982	Kinh	6.93	Không trúng tuyển
206	1	Ngôn ngữ Anh	Võ Anh Thi	Nữ	08/10/2003	Kinh	9.87	Trúng tuyển
207	2	Ngôn ngữ Anh	Bùi Hoàng Anh	Nữ	09/10/2003	Kinh	9.35	Trúng tuyển
208	3	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Nữ	19/06/2003	Kinh	9.30	Trúng tuyển
209	4	Ngôn ngữ Anh	Đỗ Thị Thanh Ngân	Nữ	24/04/2003	Kinh	9.08	Trúng tuyển
210	5	Ngôn ngữ Anh	Hồ Nguyễn Minh Phương	Nữ	06/04/2003	Kinh	8.99	Trúng tuyển
211	6	Ngôn ngữ Anh	Hà Gia Hân	Nữ	23/03/2003	Kinh	8.98	Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
212	7	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	18/02/2004	Kinh	8.84	Trúng tuyển
213	8	Ngôn ngữ Anh	Mạc Cẩm Tiên	Nữ	19/06/2003	Kinh	8.71	Trúng tuyển
214	9	Ngôn ngữ Anh	Đoàn Vũ Phương Uyên	Nữ	01/01/2003	Kinh	8.67	Trúng tuyển
215	10	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Minh Hoa	Nữ	30/05/2000	Kinh	8.65	Trúng tuyển
216	11	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Tấn Hưng	Nam	25/07/2001	Kinh	8.65	Trúng tuyển
217	12	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Kim Thi	Nữ	28/11/2003	Kinh	8.59	Trúng tuyển
218	13	Ngôn ngữ Anh	Đặng Trần Phương Thảo	Nữ	06/05/2003	Kinh	8.58	Trúng tuyển
219	14	Ngôn ngữ Anh	Phạm Thị Thu Tâm	Nữ	13/11/2003	Kinh	8.57	Trúng tuyển
220	15	Ngôn ngữ Anh	Phan Trọng Anh	Nam	22/06/2003	Kinh	8.49	Trúng tuyển
221	16	Ngôn ngữ Anh	Lê Thị Thanh Trúc	Nữ	26/01/1985	Kinh	8.48	Trúng tuyển
222	17	Ngôn ngữ Anh	Phạm Trúc Linh	Nữ	10/05/2000	Kinh	8.45	Trúng tuyển
223	18	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	12/10/1988	Kinh	8.40	Trúng tuyển
224	19	Ngôn ngữ Anh	Phan Lê Vy	Nữ	29/10/2003	Kinh	8.39	Trúng tuyển
225	20	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	05/12/2004	Kinh	8.33	Trúng tuyển
226	21	Ngôn ngữ Anh	Bùi Nguyễn Khả Nhi	Nữ	12/11/2000	Kinh	8.32	Trúng tuyển
227	22	Ngôn ngữ Anh	Hà Thị Tú Diệp	Nữ	18/10/2002	Kinh	8.23	Trúng tuyển
228	23	Ngôn ngữ Anh	Chung Trần Quang Huy	Nam	16/11/2001	Hoa	8.23	Trúng tuyển
229	24	Ngôn ngữ Anh	Phạm Khánh Ngọc	Nữ	02/08/2003	Kinh	8.21	Trúng tuyển
230	25	Ngôn ngữ Anh	Trần Dương Bảo Linh	Nữ	03/09/2003	Kinh	8.20	Trúng tuyển
231	26	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Hoàng Lan	Nữ	11/10/2002	Kinh	8.18	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
232	27	Ngôn ngữ Anh	Đinh Thị Bích Hòa	Nữ	22/10/2002	Kinh	8.15	Không trúng tuyển
233	28	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Minh Hương	Nữ	28/08/2003	Kinh	8.15	Không trúng tuyển
234	29	Ngôn ngữ Anh	Vũ Kim Khánh	Nữ	19/04/2001	Kinh	8.13	Không trúng tuyển
235	30	Ngôn ngữ Anh	Phạm Thị Hoài Nhung	Nữ	09/05/2000	Kinh	8.12	Không trúng tuyển
236	31	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Đào Khánh Linh	Nữ	21/03/2000	Kinh	8.10	Không trúng tuyển
237	32	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Nữ	15/06/2002	Kinh	8.09	Không trúng tuyển
238	33	Ngôn ngữ Anh	Phan Hoàng Nhân Hậu	Nữ	21/03/2000	Kinh	8.03	Không trúng tuyển
239	34	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Phạm Khánh Linh	Nữ	01/06/2003	Kinh	8.01	Không trúng tuyển
240	35	Ngôn ngữ Anh	Trần Nguyễn Thu Quỳnh	Nữ	24/12/2002	Kinh	7.99	Không trúng tuyển
241	36	Ngôn ngữ Anh	Bùi Đức Tuyên	Nam	20/11/1979	Kinh	7.99	Không trúng tuyển
242	37	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Hoàng Diễm Phúc	Nữ	06/06/2001	Kinh	7.88	Không trúng tuyển
243	38	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Đỗ Khánh Ngọc	Nữ	31/01/2003	Kinh	7.85	Không trúng tuyển
244	39	Ngôn ngữ Anh	Phạm Lê Thanh Tâm	Nữ	28/01/2001	Kinh	7.84	Không trúng tuyển
245	40	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	30/03/2002	Kinh	7.80	Không trúng tuyển
246	41	Ngôn ngữ Anh	Phạm Thị Ngọc Diễm	Nữ	09/08/2000	Kinh	7.78	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
247	42	Ngôn ngữ Anh	Phan Thị Kim Cúc	Nữ	08/09/2002	Kinh	7.74	Không trúng tuyển
248	43	Ngôn ngữ Anh	Đinh Phúc Lễ	Nam	28/12/2002	Kinh	7.74	Không trúng tuyển
249	44	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thái Dương	Nam	17/08/2003	Kinh	7.73	Không trúng tuyển
250	45	Ngôn ngữ Anh	Phan Lê Kim Ngân	Nữ	24/09/2003	Kinh	7.73	Không trúng tuyển
251	46	Ngôn ngữ Anh	Phạm Võ Phúc Tân	Nữ	15/04/2001	Kinh	7.68	Không trúng tuyển
252	47	Ngôn ngữ Anh	Đỗ Mai Thuỷ Trang	Nữ	02/03/1998	Kinh	7.63	Không trúng tuyển
253	48	Ngôn ngữ Anh	Võ Thị Ngọc Thương	Nữ	28/09/2003	Kinh	7.61	Không trúng tuyển
254	49	Ngôn ngữ Anh	Mai Thị Bích Hồng	Nữ	11/07/1990	Kinh	7.52	Không trúng tuyển
255	50	Ngôn ngữ Anh	Lê Thị Ngọc Nhi	Nữ	20/12/2000	Kinh	7.52	Không trúng tuyển
256	51	Ngôn ngữ Anh	Phạm Thị Hoàng Trà	Nữ	13/03/1983	Kinh	7.50	Không trúng tuyển
257	52	Ngôn ngữ Anh	Đỗ Thị Thanh Nhi	Nữ	14/05/2003	Kinh	7.48	Không trúng tuyển
258	53	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Nữ	24/05/1999	Kinh	7.36	Không trúng tuyển
259	54	Ngôn ngữ Anh	Võ Thị Mỹ Linh	Nữ	05/01/1999	Kinh	7.34	Không trúng tuyển
260	55	Ngôn ngữ Anh	Đỗ Nguyên Thông	Nam	01/01/1999	Kinh	6.51	Không trúng tuyển
261	1	Ngôn ngữ học	Đỗ Nhật Uyên	Nữ	25/07/2004	Kinh	10.40	Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
262	2	Ngôn ngữ học	Huỳnh Trần Ngọc Hân	Nữ	14/02/2004	Kinh	9.97	Trúng tuyển
263	3	Ngôn ngữ học	Lê Thị Cẩm Hà	Nữ	06/04/2003	Kinh	9.88	Trúng tuyển
264	4	Ngôn ngữ học	Phan Tâm Như	Nữ	01/06/2004	Kinh	9.82	Trúng tuyển
265	5	Ngôn ngữ học	Võ Nguyễn Anh Thư	Nữ	03/05/2003	Kinh	9.77	Trúng tuyển
266	6	Ngôn ngữ học	Lê Thị Trần Nhạn	Nữ	03/09/2004	Kinh	9.61	Trúng tuyển
267	7	Ngôn ngữ học	Huỳnh Huyền Dịu	Nữ	27/09/2004	Kinh	9.45	Trúng tuyển
268	8	Ngôn ngữ học	Nguyễn Văn Quý Bảo	Nam	25/07/2003	Kinh	9.37	Trúng tuyển
269	9	Ngôn ngữ học	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	21/03/2003	Kinh	9.26	Trúng tuyển
270	10	Ngôn ngữ học	Nguyễn Trần Anh Thi	Nữ	09/06/2003	Kinh	9.20	Trúng tuyển
271	11	Ngôn ngữ học	Huỳnh Thái Cao Chi	Nữ	24/04/2003	Kinh	9.11	Trúng tuyển
272	12	Ngôn ngữ học	Hồ Thị Thảo Minh	Nữ	17/10/2003	Kinh	9.01	Trúng tuyển
273	13	Ngôn ngữ học	Ngô Võ Thị Thảo Vy	Nữ	24/03/2004	Kinh	8.98	Trúng tuyển
274	14	Ngôn ngữ học	Vũ Tường Vi	Nữ	16/03/2002	Kinh	8.75	Trúng tuyển
275	15	Ngôn ngữ học	Phạm Thị Thanh Liên	Nữ	03/07/2004	Kinh	8.72	Trúng tuyển
276	16	Ngôn ngữ học	Kpă H' Khuyên	Nữ	06/08/2001	Gia-rai	8.69	Trúng tuyển
277	17	Ngôn ngữ học	Bùi Ngọc Minh Châu	Nữ	10/12/2003	Kinh	8.65	Trúng tuyển
278	18	Ngôn ngữ học	Vi Thị Hương	Nữ	28/01/2002	Nùng	8.58	Trúng tuyển
279	19	Ngôn ngữ học	Trương Thị Thủy Tiên	Nữ	04/07/2003	Kinh	8.47	Trúng tuyển
280	20	Ngôn ngữ học	Nguyễn Thị Nguyên	Nữ	09/05/2003	Kinh	8.38	Trúng tuyển
281	21	Ngôn ngữ học	Phạm Thị Mỹ Khánh	Nữ	16/06/1998	Kinh	8.37	Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
282	22	Ngôn ngữ học	Hồ Thị Được	Nữ	05/10/1992	Kinh	8.32	Trúng tuyển
283	23	Ngôn ngữ học	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	26/08/1993	Kinh	8.26	Trúng tuyển
284	24	Ngôn ngữ học	Nguyễn Thị Út Anh	Nữ	10/02/1995	Kinh	8.21	Trúng tuyển
285	25	Ngôn ngữ học	Nguyễn Trương Yến My	Nữ	08/11/2003	Kinh	7.95	Trúng tuyển
286	26	Ngôn ngữ học	Đào Thị Phương Hà	Nữ	14/08/2003	Kinh	7.90	Trúng tuyển
287	27	Ngôn ngữ học	Nguyễn Trần Thanh Như	Nữ	24/10/2003	Kinh	7.82	Trúng tuyển
288	28	Ngôn ngữ học	Phạm Hồng Minh	Nữ	20/09/2003	Kinh	7.77	Trúng tuyển
289	29	Ngôn ngữ học	Đinh Thị Thanh Huyền	Nữ	06/05/1997	Hrê	7.73	Trúng tuyển
290	30	Ngôn ngữ học	Đặng Thị Anh Minh	Nữ	28/10/2004	Kinh	7.56	Trúng tuyển
291	31	Ngôn ngữ học	Phạm Thị Bảo Tiên	Nữ	05/05/1983	Kinh	7.37	Không trúng tuyển
292	32	Ngôn ngữ học	Trần Ngọc Hải	Nam	11/07/2002	Kinh	7.23	Không trúng tuyển
293	33	Ngôn ngữ học	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	27/04/1984	Kinh	7.14	Không trúng tuyển
294	34	Ngôn ngữ học	Vũ Thị Thắm	Nữ	17/02/1983	Kinh	7.03	Không trúng tuyển
295	35	Ngôn ngữ học	Trần Thị Lệ Quyên	Nữ	25/06/1988	Kinh	7.01	Không trúng tuyển
296	1	Khoa học máy tính	Nguyễn Chánh Công	Nam	13/12/1999	Kinh	9.48	Trúng tuyển
297	2	Khoa học máy tính	Phan Duy Nghĩa	Nam	06/03/1992	Kinh	9.42	Trúng tuyển
298	3	Khoa học máy tính	Đỗ Thành Hậu	Nam	28/12/2003	Kinh	9.29	Trúng tuyển
299	4	Khoa học máy tính	Phan Thị Kiều Uyên	Nữ	20/05/1993	Kinh	8.82	Trúng tuyển
300	5	Khoa học máy tính	Hoàng Bình An	Nam	05/03/1998	Kinh	8.67	Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
301	6	Khoa học máy tính	Lê Ngọc Quý	Nam	15/08/1997	Bru-Vân Kiều	8.58	Trúng tuyển
302	7	Khoa học máy tính	Lê Nguyễn Phúc Anh	Nam	17/10/2003	Kinh	8.34	Trúng tuyển
303	8	Khoa học máy tính	Trần Anh Tuấn	Nam	27/06/2002	Kinh	8.24	Trúng tuyển
304	9	Khoa học máy tính	Hà Thị Ngọc Trâm	Nữ	14/11/1999	Kinh	8.17	Trúng tuyển
305	10	Khoa học máy tính	Phạm Quốc Cường	Nam	02/05/1999	Kinh	8.13	Trúng tuyển
306	11	Khoa học máy tính	Bùi Minh Trọng	Nam	20/08/1997	Kinh	8.09	Trúng tuyển
307	12	Khoa học máy tính	Phạm Thành Tuấn	Nam	02/03/1994	Kinh	7.85	Trúng tuyển
308	13	Khoa học máy tính	Nguyễn Lương Gia Bảo	Nam	18/01/2002	Kinh	7.68	Trúng tuyển
309	14	Khoa học máy tính	Trần Đức Nguyên	Nam	03/03/1994	Kinh	7.64	Trúng tuyển
310	15	Khoa học máy tính	Đặng Thành Thịnh	Nam	10/11/1994	Kinh	7.63	Trúng tuyển
311	16	Khoa học máy tính	Bùi Thị Thu Hiền	Nữ	24/12/1989	Kinh	7.54	Trúng tuyển
312	17	Khoa học máy tính	Đoàn Nguyễn Hoàng Trọng	Nam	08/08/1994	Kinh	7.51	Trúng tuyển
313	18	Khoa học máy tính	Nguyễn Ngọc Vinh	Nam	10/10/1985	Kinh	7.47	Trúng tuyển
314	19	Khoa học máy tính	Nguyễn Lâm Sinh	Nam	04/02/1990	Kinh	7.45	Trúng tuyển
315	20	Khoa học máy tính	Trần Đức Tình	Nam	12/02/2002	Kinh	7.30	Trúng tuyển
316	21	Khoa học máy tính	Lê Hồng Khiêm	Nam	02/08/1999	Kinh	7.07	Không trúng tuyển
317	22	Khoa học máy tính	Hồ Anh Tuấn	Nam	04/10/1991	Kinh	7.03	Không trúng tuyển
318	23	Khoa học máy tính	Huỳnh Thị Nhàng	Nữ	05/12/1994	Kinh	6.53	Không trúng tuyển
319	24	Khoa học máy tính	Trần Thị Hiếu	Nữ	09/04/1982	Kinh	6.34	Không trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
320	25	Khoa học máy tính	Bùi Văn Hoàng	Nam	01/01/1998	Kinh	6.20	Không trúng tuyển
321	1	Vật lý chất rắn	Phạm Thị Hà Vy	Nữ	30/11/2003	Kinh	9.88	Trúng tuyển
322	2	Vật lý chất rắn	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	22/06/1996	Kinh	9.10	Trúng tuyển
323	3	Vật lý chất rắn	Hà Xuân Đạt	Nam	16/09/2004	Kinh	8.95	Trúng tuyển
324	4	Vật lý chất rắn	Huỳnh Thị Anh Thư	Nữ	03/10/2003	Kinh	8.67	Trúng tuyển
325	5	Vật lý chất rắn	Huỳnh Khánh Ly	Nữ	24/12/2003	Kinh	8.63	Trúng tuyển
326	6	Vật lý chất rắn	Dương Thị Mỹ Vân	Nữ	25/01/1989	Kinh	8.60	Trúng tuyển
327	7	Vật lý chất rắn	Ngô Thị Ngân	Nữ	10/01/2003	Kinh	8.09	Trúng tuyển
328	8	Vật lý chất rắn	Hà Ngọc Thu Phương	Nữ	17/11/2004	Kinh	7.96	Trúng tuyển
329	9	Vật lý chất rắn	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	14/09/2004	Kinh	7.87	Trúng tuyển
330	10	Vật lý chất rắn	Lê Thị Trà Giang	Nữ	26/06/2002	Kinh	7.84	Trúng tuyển
331	11	Vật lý chất rắn	Trần Thu Hằng	Nữ	16/07/2004	Kinh	7.83	Trúng tuyển
332	12	Vật lý chất rắn	Phạm Thị Hồng Thắm	Nữ	14/09/2004	Kinh	7.79	Trúng tuyển
333	13	Vật lý chất rắn	Nguyễn Thị Anh Thơ	Nữ	18/06/1984	Kinh	7.78	Trúng tuyển
334	14	Vật lý chất rắn	Lê Thị Thảo Vy	Nữ	02/09/2004	Kinh	7.77	Trúng tuyển
335	15	Vật lý chất rắn	Nguyễn Hải Biên	Nam	13/01/2001	Kinh	7.76	Trúng tuyển
336	16	Vật lý chất rắn	Trần Thị Như Thảo	Nữ	18/11/2003	Kinh	7.54	Trúng tuyển
337	17	Vật lý chất rắn	Dương Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	07/03/2003	Kinh	7.46	Trúng tuyển
338	18	Vật lý chất rắn	Trần Thái Trung Thắng	Nam	25/02/1999	Kinh	7.36	Trúng tuyển
339	19	Vật lý chất rắn	Võ Thị Tuyết Trang	Nữ	01/02/2003	Kinh	7.33	Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
340	20	Vật lý chất rắn	Trần Văn Tuấn	Nam	17/05/2003	Kinh	7.24	Trúng tuyển
341	21	Vật lý chất rắn	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	02/03/1999	Kinh	7.04	Không trúng tuyển
342	22	Vật lý chất rắn	Trần Lê Hoàng My	Nữ	25/03/2003	Kinh	7.01	Không trúng tuyển
343	23	Vật lý chất rắn	Nguyễn Giang Nam	Nam	14/06/1977	Kinh	6.98	Không trúng tuyển
344	24	Vật lý chất rắn	Bùi Bá Cường	Nam	30/04/1999	Kinh	6.60	Không trúng tuyển
345	1	Phương pháp toán sơ cấp	Bạch Quyên Quyên	Nữ	29/08/2004	Kinh		Trúng tuyển
346	2	Phương pháp toán sơ cấp	Đỗ Thị Kiều Oanh	Nữ	13/05/2004	Kinh		Trúng tuyển
347	3	Phương pháp toán sơ cấp	Mai Xuân Hữu	Nam	18/04/2003	Kinh		Trúng tuyển
348	4	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12/02/1990	Kinh		Trúng tuyển
349	5	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	05/11/2004	Kinh		Trúng tuyển
350	6	Phương pháp toán sơ cấp	Huỳnh Bảo Trân	Nữ	03/11/2002	Kinh		Trúng tuyển
351	7	Phương pháp toán sơ cấp	Hồ Thị Quỳnh Nga	Nữ	03/10/2004	Kinh		Trúng tuyển
352	8	Phương pháp toán sơ cấp	Trần Lê Vy	Nữ	01/01/2004	Kinh		Trúng tuyển
353	9	Phương pháp toán sơ cấp	Trương Nguyễn Như Huyền	Nữ	28/02/2003	Kinh		Trúng tuyển
354	10	Phương pháp toán sơ cấp	Bùi Thị Vân Anh	Nữ	07/04/2004	Kinh		Trúng tuyển
355	11	Phương pháp toán sơ cấp	Lê Thị Trà My	Nữ	10/04/2003	Kinh		Trúng tuyển
356	12	Phương pháp toán sơ cấp	Đinh Văn Thi	Nam	28/04/2003	Êrê		Trúng tuyển
357	13	Phương pháp toán sơ cấp	Trịnh Thị Ngọc Hương	Nữ	03/11/1993	Kinh		Trúng tuyển
358	14	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	Nữ	04/07/1998	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
359	15	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Trần Ngọc Quý	Nữ	23/10/2003	Kinh		Trúng tuyển
360	16	Phương pháp toán sơ cấp	Lê Đoàn Tố Nga	Nữ	15/02/2003	Kinh		Trúng tuyển
361	17	Phương pháp toán sơ cấp	Đinh Lam Tuyền	Nữ	03/03/2004	Kinh		Trúng tuyển
362	18	Phương pháp toán sơ cấp	Vũ Thanh Tuyền	Nữ	15/11/2003	Kinh		Trúng tuyển
363	19	Phương pháp toán sơ cấp	Hoàng Thị Kim Hoàng	Nữ	17/07/2003	Kinh		Trúng tuyển
364	20	Phương pháp toán sơ cấp	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	07/04/1995	Thổ		Trúng tuyển
365	21	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Cửu Nhật Trinh	Nữ	11/11/1993	Kinh		Trúng tuyển
366	22	Phương pháp toán sơ cấp	Thái Hồng Nhân	Nữ	19/09/1998	Kinh		Trúng tuyển
367	23	Phương pháp toán sơ cấp	Trần Thị Minh Thu	Nữ	28/07/1988	Kinh		Trúng tuyển
368	24	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	01/05/1990	Kinh		Trúng tuyển
369	25	Phương pháp toán sơ cấp	Trần Thị Cẩm Ly	Nữ	16/12/2002	Kinh		Trúng tuyển
370	26	Phương pháp toán sơ cấp	Trần Thị Mỹ Hạnh	Nữ	22/02/2002	Kinh		Trúng tuyển
371	27	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Văn Long	Nam	07/09/1988	Kinh		Trúng tuyển
372	28	Phương pháp toán sơ cấp	Đoàn Ngọc Thạch	Nam	16/05/1997	Kinh		Trúng tuyển
373	29	Phương pháp toán sơ cấp	Ngô Thị Thu Hạnh	Nữ	15/08/2002	Kinh		Trúng tuyển
374	30	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Thị Xuân Nở	Nữ	28/03/1992	Kinh		Trúng tuyển
375	31	Phương pháp toán sơ cấp	Trần Thị Trâm	Nữ	06/10/1994	Kinh		Trúng tuyển
376	32	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Sĩ Trung	Nam	01/11/1987	Kinh		Trúng tuyển
377	33	Phương pháp toán sơ cấp	Nguyễn Thị Ái Linh	Nữ	14/01/2002	Kinh		Trúng tuyển
378	1	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	20/03/1999	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
379	2	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Thương	Nữ	16/10/2002	Kinh		Trúng tuyển
380	3	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Hoàng Quyên	Nữ	11/12/2004	Kinh		Trúng tuyển
381	4	Quản trị kinh doanh	Tạ Thảo Ngọc	Nữ	21/08/2004	Kinh		Trúng tuyển
382	5	Quản trị kinh doanh	Đặng Hồng Viên	Nam	21/04/2003	Kinh		Trúng tuyển
383	6	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Nữ Hương Trà	Nữ	01/07/1993	Kinh		Trúng tuyển
384	7	Quản trị kinh doanh	Biện Tấn Hoàng Thắng	Nam	26/10/1986	Kinh		Trúng tuyển
385	8	Quản trị kinh doanh	Phạm Bùi Tấn Huy Hoàng	Nam	18/06/2000	Kinh		Trúng tuyển
386	9	Quản trị kinh doanh	Dương Quang Đức	Nam	19/07/2000	Kinh		Trúng tuyển
387	10	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Gấm	Nữ	08/10/1991	Kinh		Trúng tuyển
388	11	Quản trị kinh doanh	Trần Thanh Giang	Nam	02/05/1994	Kinh		Trúng tuyển
389	12	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Viết Tài	Nam	17/09/1994	Kinh		Trúng tuyển
390	13	Quản trị kinh doanh	Dương Nam Thành	Nam	08/12/1999	Kinh		Trúng tuyển
391	14	Quản trị kinh doanh	Huỳnh Danh Nhân	Nam	02/08/1998	Kinh		Trúng tuyển
392	15	Quản trị kinh doanh	Trần Minh Tuấn	Nam	04/02/2002	Kinh		Trúng tuyển
393	16	Quản trị kinh doanh	Hồ Gia Khánh Định	Nam	15/10/1997	Kinh		Trúng tuyển
394	17	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Xuân Toàn	Nam	05/05/1999	Kinh		Trúng tuyển
395	18	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Khánh Ngân	Nữ	17/06/2004	Kinh		Trúng tuyển
396	19	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Hương Nữ	Nữ	05/06/1981	Kinh		Trúng tuyển
397	20	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Cẩn	Nam	30/10/1992	Kinh		Trúng tuyển
398	21	Quản trị kinh doanh	Mai Trung Nghĩa	Nam	01/02/1983	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
399	22	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	04/07/1995	Kinh		Trúng tuyển
400	23	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	24/04/2000	Kinh		Trúng tuyển
401	24	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Đình Phương	Nam	07/12/1991	Kinh		Trúng tuyển
402	25	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Công Viên	Nam	20/12/1983	Kinh		Trúng tuyển
403	26	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Đức Hóa	Nam	15/07/1995	Kinh		Trúng tuyển
404	27	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	27/07/1986	Kinh		Trúng tuyển
405	28	Quản trị kinh doanh	Trần Xuân Việt	Nam	24/10/1988	Kinh		Trúng tuyển
406	29	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nam	15/04/1989	Kinh		Trúng tuyển
407	30	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thanh Nhã	Nam	13/06/1995	Kinh		Trúng tuyển
408	31	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Đình Phong	Nam	19/01/1976	Kinh		Trúng tuyển
409	32	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Hồng Huy	Nam	24/01/1989	Kinh		Trúng tuyển
410	33	Quản trị kinh doanh	Phan Thị Thanh Thúy	Nữ	25/09/1988	Kinh		Trúng tuyển
411	34	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Toàn	Nam	20/09/1985	Kinh		Trúng tuyển
412	35	Quản trị kinh doanh	Lê Mai Thu	Nữ	12/10/1992	Kinh		Trúng tuyển
413	1	Quản lý giáo dục	Lê Thị Ngọc Trâm	Nữ	13/03/1980	Kinh		Trúng tuyển
414	2	Quản lý giáo dục	Nguyễn Viêt Vũ	Nam	26/05/1995	Kinh		Trúng tuyển
415	3	Quản lý giáo dục	Phạm Hoài Thanh	Nữ	07/04/2004	Kinh		Trúng tuyển
416	4	Quản lý giáo dục	Phạm Thị Ngọc Diễm	Nữ	15/01/1991	Kinh		Trúng tuyển
417	5	Quản lý giáo dục	Hoàng Thị Sim	Nữ	20/11/1985	Kinh		Trúng tuyển
418	6	Quản lý giáo dục	Văn Thị Dung	Nữ	19/06/2003	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
419	7	Quản lý giáo dục	Nguyễn Thị Hòa Mi	Nữ	02/02/1992	Kinh		Trúng tuyển
420	8	Quản lý giáo dục	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	01/07/1993	Kinh		Trúng tuyển
421	9	Quản lý giáo dục	Lê Hồ Thanh Tuyền	Nữ	26/06/1999	Kinh		Trúng tuyển
422	10	Quản lý giáo dục	Nguyễn Thị Kiều Hậu	Nữ	13/10/1992	Kinh		Trúng tuyển
423	11	Quản lý giáo dục	Lê Minh Chương	Nam	24/12/1989	Kinh		Trúng tuyển
424	12	Quản lý giáo dục	Đinh Xuân Hải	Nam	08/02/1991	Hrê		Trúng tuyển
425	13	Quản lý giáo dục	Trần Mạnh Hùng	Nam	07/07/1991	Kinh		Trúng tuyển
426	14	Quản lý giáo dục	Lê Thị Kiều Trinh	Nữ	05/12/1996	Kinh		Trúng tuyển
427	15	Quản lý giáo dục	Nguyễn Thùy Ánh	Nữ	24/10/2002	Kinh		Trúng tuyển
428	16	Quản lý giáo dục	Nguyễn Bích Hồng	Nữ	04/12/1992	Kinh		Trúng tuyển
429	17	Quản lý giáo dục	Lê Ngọc Tuyết Sương	Nữ	09/08/1993	Kinh		Trúng tuyển
430	18	Quản lý giáo dục	Hoàng Thị Minh	Nữ	29/01/1990	Kinh		Trúng tuyển
431	19	Quản lý giáo dục	Nguyễn Nguyên Tâm	Nữ	24/12/2002	Kinh		Trúng tuyển
432	20	Quản lý giáo dục	Tô Đào Lưu Trọng	Nam	05/08/1978	Kinh		Trúng tuyển
433	21	Quản lý giáo dục	Trần Thiện Chính	Nam	15/05/1987	Kinh		Trúng tuyển
434	22	Quản lý giáo dục	Trần Thị Mỹ Nương	Nữ	25/11/1985	Kinh		Trúng tuyển
435	23	Quản lý giáo dục	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	05/08/1985	Kinh		Trúng tuyển
436	24	Quản lý giáo dục	Phan Thị Mỹ Hương	Nữ	18/06/1987	Kinh		Trúng tuyển
437	25	Quản lý giáo dục	Trịnh Thị Thúy	Nữ	27/03/1989	Kinh		Trúng tuyển
438	26	Quản lý giáo dục	Trương Thị Mỹ Loanh	Nữ	16/04/1985	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
439	27	Quản lý giáo dục	Huỳnh Văn Khoa	Nam	01/01/1979	Kinh		Trúng tuyển
440	28	Quản lý giáo dục	Phạm Thị Hà	Nữ	07/11/1978	Kinh		Trúng tuyển
441	29	Quản lý giáo dục	Lê Anh Vũ	Nam	10/01/1984	Kinh		Trúng tuyển
442	30	Quản lý giáo dục	Chu Văn Tiến	Nam	02/09/1977	Kinh		Trúng tuyển
443	31	Quản lý giáo dục	Nguyễn Văn Long	Nam	21/06/1977	Kinh		Trúng tuyển
444	32	Quản lý giáo dục	Ung Nhu Thịnh	Nữ	16/09/1993	Kinh		Trúng tuyển
445	33	Quản lý giáo dục	Trần Văn Nghĩa	Nam	20/10/1979	Kinh		Trúng tuyển
446	1	Quản lý kinh tế	Lê Dương Hoàng Hữu	Nam	20/12/2002	Kinh		Trúng tuyển
447	2	Quản lý kinh tế	Lê Thị Trâm	Nữ	31/07/1999	Kinh		Trúng tuyển
448	3	Quản lý kinh tế	Nguyễn Tuấn Hùng	Nam	06/11/1998	Kinh		Trúng tuyển
449	4	Quản lý kinh tế	Cai Hoài Tân	Nam	27/02/2002	Kinh		Trúng tuyển
450	5	Quản lý kinh tế	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	23/01/2004	Kinh		Trúng tuyển
451	6	Quản lý kinh tế	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	18/06/2003	Kinh		Trúng tuyển
452	7	Quản lý kinh tế	Trần Đỗ Tiên	Nam	30/03/2002	Kinh		Trúng tuyển
453	8	Quản lý kinh tế	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	31/01/1998	Kinh		Trúng tuyển
454	9	Quản lý kinh tế	Lê Hoàng Lâm	Nam	10/12/1995	Kinh		Trúng tuyển
455	10	Quản lý kinh tế	Nguyễn Thị Hiệp	Nữ	20/07/1985	Kinh		Trúng tuyển
456	11	Quản lý kinh tế	Đỗ Lâm Bảo Luân	Nam	17/10/2003	Kinh		Trúng tuyển
457	12	Quản lý kinh tế	Đỗ Hồng Quân	Nam	07/06/1997	Kinh		Trúng tuyển
458	13	Quản lý kinh tế	Đỗ Đức Thanh	Nam	24/10/1987	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
459	14	Quản lý kinh tế	Bùi Tiến Hào	Nam	02/02/2002	Kinh		Trúng tuyển
460	15	Quản lý kinh tế	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	20/04/1992	Kinh		Trúng tuyển
461	16	Quản lý kinh tế	Nguyễn Hoài Thu	Nữ	27/01/1991	Kinh		Trúng tuyển
462	17	Quản lý kinh tế	Vũ Thị Hồng Thương	Nữ	17/02/1982	Kinh		Trúng tuyển
463	18	Quản lý kinh tế	Nguyễn Thành Được	Nam	19/03/1984	Kinh		Trúng tuyển
464	19	Quản lý kinh tế	Phan Minh Hân	Nam	03/07/2002	Kinh		Trúng tuyển
465	20	Quản lý kinh tế	Đoàn Văn Điệp	Nam	19/02/1979	Kinh		Trúng tuyển
466	21	Quản lý kinh tế	Đậu Thuỳ Dương	Nữ	31/07/1996	Kinh		Trúng tuyển
467	22	Quản lý kinh tế	Nguyễn Nhơn Phong	Nam	25/09/1996	Kinh		Trúng tuyển
468	1	Hóa lý thuyết và hóa lý	Dương Gia Huy	Nam	18/11/2002	Kinh		Trúng tuyển
469	2	Hóa lý thuyết và hóa lý	Nguyễn Hồ Duy	Nam	24/07/2004	Kinh		Trúng tuyển
470	3	Hóa lý thuyết và hóa lý	Nguyễn Văn Thương	Nam	19/02/2004	Kinh		Trúng tuyển
471	4	Hóa lý thuyết và hóa lý	Võ Ngọc Trà My	Nữ	01/06/2004	Kinh		Trúng tuyển
472	5	Hóa lý thuyết và hóa lý	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	17/03/2003	Kinh		Trúng tuyển
473	6	Hóa lý thuyết và hóa lý	Lâm Thị Thúy Kiều	Nữ	30/07/2004	Kinh		Trúng tuyển
474	7	Hóa lý thuyết và hóa lý	Nguyễn Tú Quyên	Nữ	14/11/2004	Kinh		Trúng tuyển
475	8	Hóa lý thuyết và hóa lý	Trương Thị Mỹ Hoa	Nữ	24/07/2003	Kinh		Trúng tuyển
476	9	Hóa lý thuyết và hóa lý	Trần Thị Phương Ái	Nữ	25/06/2004	Kinh		Trúng tuyển
477	10	Hóa lý thuyết và hóa lý	Nguyễn Lương Khương An	Nữ	02/05/2004	Kinh		Trúng tuyển
478	11	Hóa lý thuyết và hóa lý	Dương Thành Công	Nam	06/04/2004	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
479	12	Hóa lý thuyết và hóa lý	Phạm Huỳnh Huyền	Nữ	20/10/2003	Kinh		Trúng tuyển
480	13	Hóa lý thuyết và hóa lý	Phan Thị Thuỳ Trang	Nữ	23/09/2004	Kinh		Trúng tuyển
481	14	Hóa lý thuyết và hóa lý	Hoàng Thị Kiều Oanh	Nữ	12/08/2004	Kinh		Trúng tuyển
482	15	Hóa lý thuyết và hóa lý	Nguyễn Đức Thuận	Nam	31/03/2004	Kinh		Trúng tuyển
483	16	Hóa lý thuyết và hóa lý	Hồ Đắc Hiền	Nam	03/01/2004	Kinh		Trúng tuyển
484	17	Hóa lý thuyết và hóa lý	Phạm Nguyễn Công Minh	Nam	14/09/2003	Kinh		Trúng tuyển
485	18	Hóa lý thuyết và hóa lý	Thái Mỹ Dung	Nữ	01/01/2002	Kinh		Trúng tuyển
486	1	Lịch sử Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	05/07/2003	Kinh		Trúng tuyển
487	2	Lịch sử Việt Nam	Hồ Thị Thanh Hiền	Nữ	11/02/2003	Kinh		Trúng tuyển
488	3	Lịch sử Việt Nam	Trần Thị Giang	Nữ	15/03/1991	Kinh		Trúng tuyển
489	4	Lịch sử Việt Nam	Nguyễn Đăng Đức	Nam	04/11/2002	Kinh		Trúng tuyển
490	5	Lịch sử Việt Nam	Hồ Thị Thơ	Nữ	12/06/1992	Kinh		Trúng tuyển
491	6	Lịch sử Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	25/10/1992	Kinh		Trúng tuyển
492	7	Lịch sử Việt Nam	Trương Thị Thuý Kiều	Nữ	06/10/1997	Kinh		Trúng tuyển
493	8	Lịch sử Việt Nam	Lô Thị Quyên	Nữ	07/02/1992	Thái		Trúng tuyển
494	9	Lịch sử Việt Nam	Lê Thảo Vy	Nữ	17/01/2004	Kinh		Trúng tuyển
495	10	Lịch sử Việt Nam	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	12/11/1992	Kinh		Trúng tuyển
496	11	Lịch sử Việt Nam	Trương Thị Việt Linh	Nữ	18/10/1990	Kinh		Trúng tuyển
497	12	Lịch sử Việt Nam	Hồ Thị Thu Hà	Nữ	26/06/1992	Kinh		Trúng tuyển
498	13	Lịch sử Việt Nam	Đinh Nguyễn Bích Hà	Nữ	09/04/2003	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
499	14	Lịch sử Việt Nam	Thọ Thị My Như	Nữ	26/07/1993	Chăm		Trúng tuyển
500	15	Lịch sử Việt Nam	Mai Văn Sơn	Nam	01/05/1983	Kinh		Trúng tuyển
501	16	Lịch sử Việt Nam	Lê Nguyễn Hoàng An	Nam	18/08/2003	Kinh		Trúng tuyển
502	17	Lịch sử Việt Nam	Nguyễn Tất Đạt	Nam	07/12/1982	Kinh		Trúng tuyển
503	1	Chính trị học	Nguyễn Thanh Tín	Nam	14/10/1996	Kinh		Trúng tuyển
504	2	Chính trị học	Bùi Thị Bích Vi	Nữ	04/03/1990	Kinh		Trúng tuyển
505	3	Chính trị học	Trần Văn Từ	Nam	01/06/1995	Kinh		Trúng tuyển
506	4	Chính trị học	Nguyễn Văn Tú	Nam	04/02/2003	Kinh		Trúng tuyển
507	5	Chính trị học	Thái Thị Thu Hiền	Nữ	02/05/1997	Kinh		Trúng tuyển
508	6	Chính trị học	Lê Thị Huệ Anh	Nữ	14/03/2003	Kinh		Trúng tuyển
509	7	Chính trị học	Minh Sơn	Nam	15/05/1999	Ba-na		Trúng tuyển
510	8	Chính trị học	Lê Thị Như Ý	Nữ	02/06/2003	Kinh		Trúng tuyển
511	9	Chính trị học	Nguyễn Thị Yến	Nữ	01/01/1990	Kinh		Trúng tuyển
512	10	Chính trị học	Phạm Thị Hồng Trinh	Nữ	09/08/1988	Kinh		Trúng tuyển
513	11	Chính trị học	Nguyễn Thanh Phong	Nam	10/06/1985	Kinh		Trúng tuyển
514	12	Chính trị học	Nguyễn Đỗ Bảo Châu	Nữ	08/05/1982	Kinh		Trúng tuyển
515	13	Chính trị học	Đỗ Gia Hân	Nữ	15/06/2003	Kinh		Trúng tuyển
516	14	Chính trị học	Nguyễn Tuyết Đam	Nữ	20/02/2002	Kinh		Trúng tuyển
517	15	Chính trị học	Nguyễn Viêt Cường	Nam	27/04/2002	Kinh		Trúng tuyển
518	16	Chính trị học	Trịnh Nguyễn Tuấn Anh	Nam	06/12/1990	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
519	1	Tài chính - Ngân hàng	Đoàn Lê Yến Nhi	Nữ	01/02/2000	Kinh		Trúng tuyển
520	2	Tài chính - Ngân hàng	Huỳnh Thị Hồng Nhung	Nữ	03/04/2002	Kinh		Trúng tuyển
521	3	Tài chính - Ngân hàng	Phạm Tấn Phát	Nam	11/11/1995	Kinh		Trúng tuyển
522	4	Tài chính - Ngân hàng	Võ Hương Quỳnh	Nữ	07/08/1991	Kinh		Trúng tuyển
523	5	Tài chính - Ngân hàng	Phan Thúy Ngân	Nữ	01/12/1999	Kinh		Trúng tuyển
524	6	Tài chính - Ngân hàng	Lê Nữ Thuý Ngân	Nữ	27/11/1993	Kinh		Trúng tuyển
525	7	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Hữu Toàn	Nam	28/03/1999	Kinh		Trúng tuyển
526	8	Tài chính - Ngân hàng	Văn Thị Mỹ Tâm	Nữ	02/09/2003	Kinh		Trúng tuyển
527	9	Tài chính - Ngân hàng	Phan Quốc Chí	Nam	20/11/1995	Kinh		Trúng tuyển
528	10	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Việt Tiến	Nam	10/11/2003	Kinh		Trúng tuyển
529	11	Tài chính - Ngân hàng	Mai Thanh Hà	Nữ	21/10/2003	Kinh		Trúng tuyển
530	12	Tài chính - Ngân hàng	Đặng Trần Thu Hoài	Nữ	23/07/2003	Kinh		Trúng tuyển
531	13	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Xuân Lý	Nữ	17/05/1997	Kinh		Trúng tuyển
532	14	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Tấn Thăng Long	Nam	27/02/1999	Kinh		Trúng tuyển
533	15	Tài chính - Ngân hàng	Huỳnh Lê Thái Nhân	Nam	06/09/2000	Kinh		Trúng tuyển
534	1	Hóa vô cơ	Hồ Đoàn Phương Thảo	Nữ	15/03/2004	Kinh		Trúng tuyển
535	2	Hóa vô cơ	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	29/08/1991	Kinh		Trúng tuyển
536	3	Hóa vô cơ	Trương Thị Huyền Tâm	Nữ	21/08/1989	Kinh		Trúng tuyển
537	4	Hóa vô cơ	Huỳnh Thị Yến Vy	Nữ	19/07/2004	Kinh		Trúng tuyển
538	5	Hóa vô cơ	Phạm Thanh Huyền	Nữ	23/11/2004	Mường		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
539	6	Hóa vô cơ	Lê Thị Thanh Trà	Nữ	27/07/2004	Kinh		Trúng tuyển
540	7	Hóa vô cơ	Nguyễn Thúy Hằng	Nữ	29/11/2004	Kinh		Trúng tuyển
541	8	Hóa vô cơ	Cao Thị Ngọc Xuân	Nữ	16/01/2004	Kinh		Trúng tuyển
542	9	Hóa vô cơ	Đặng Cao Bằng	Nam	04/03/2003	Kinh		Trúng tuyển
543	10	Hóa vô cơ	Lê Thị Mĩ Nữ	Nữ	14/11/2004	Kinh		Trúng tuyển
544	11	Hóa vô cơ	Nguyễn Hải Quyên	Nữ	08/06/2003	Kinh		Trúng tuyển
545	12	Hóa vô cơ	Lê Đình Công	Nam	16/10/1989	Kinh		Trúng tuyển
546	13	Hóa vô cơ	Đặng Thị Bích Nhân	Nữ	20/06/1982	Kinh		Trúng tuyển
547	1	Khoa học dữ liệu	Nguyễn Lan Hương	Nữ	06/09/2003	Kinh		Trúng tuyển
548	2	Khoa học dữ liệu	Nguyễn Duy Khánh	Nam	18/08/1996	Kinh		Trúng tuyển
549	3	Khoa học dữ liệu	Nguyễn Trà My	Nữ	13/07/2004	Kinh		Trúng tuyển
550	4	Khoa học dữ liệu	Nguyễn Hà Uyên	Nữ	08/05/2001	Kinh		Trúng tuyển
551	5	Khoa học dữ liệu	Phạm Ngọc Quyền	Nam	24/09/2003	Kinh		Trúng tuyển
552	6	Khoa học dữ liệu	Phan Anh Minh	Nam	24/12/2002	Kinh		Trúng tuyển
553	7	Khoa học dữ liệu	Nguyễn Khánh Duy	Nam	14/05/2003	Kinh		Trúng tuyển
554	8	Khoa học dữ liệu	Huỳnh Bảo Lộc	Nam	30/03/1999	Kinh		Trúng tuyển
555	9	Khoa học dữ liệu	Tô Trần Thủy Vân	Nữ	27/07/1989	Kinh		Trúng tuyển
556	10	Khoa học dữ liệu	Trần Anh Việt	Nam	18/10/2001	Kinh		Trúng tuyển
557	11	Khoa học dữ liệu	Lê Nguyên Thắng	Nam	12/03/1990	Kinh		Trúng tuyển
558	1	Kế toán	Nguyễn Trần Thảo My	Nữ	19/07/2004	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
559	2	Kế toán	Lê Cẩm Tú	Nữ	01/10/2003	Kinh		Trúng tuyển
560	3	Kế toán	Lê Trần Xuân Vinh	Nữ	26/12/1999	Kinh		Trúng tuyển
561	4	Kế toán	Võ Lê Thuỳ Linh	Nữ	28/03/1998	Kinh		Trúng tuyển
562	5	Kế toán	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	25/01/1987	Kinh		Trúng tuyển
563	6	Kế toán	Huỳnh Thị Như	Nữ	17/12/1991	Kinh		Trúng tuyển
564	7	Kế toán	Châu Thị Thanh Thuý	Nữ	19/04/1987	Kinh		Trúng tuyển
565	8	Kế toán	Đinh Thị Bích Trang	Nữ	20/11/2001	Kinh		Trúng tuyển
566	9	Kế toán	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	03/06/1984	Kinh		Trúng tuyển
567	10	Kế toán	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	12/08/1981	Kinh		Trúng tuyển
568	1	Kỹ thuật điện	Phạm Thị Nhã Hân	Nữ	10/03/2003	Kinh		Trúng tuyển
569	2	Kỹ thuật điện	Huỳnh Văn Trọng	Nam	25/03/2003	Kinh		Trúng tuyển
570	3	Kỹ thuật điện	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	22/04/1976	Kinh		Trúng tuyển
571	4	Kỹ thuật điện	Châu Văn Phương	Nam	21/01/1993	Kinh		Trúng tuyển
572	5	Kỹ thuật điện	Đặng Thái Vinh	Nam	02/11/1990	Kinh		Trúng tuyển
573	6	Kỹ thuật điện	Trần Thái Bá	Nam	18/05/1994	Kinh		Trúng tuyển
574	7	Kỹ thuật điện	Lê Quang Nghị	Nam	01/08/1998	Kinh		Trúng tuyển
575	8	Kỹ thuật điện	Đào Cung Bảo Anh	Nam	30/10/1983	Kinh		Trúng tuyển
576	9	Kỹ thuật điện	Phạm Ngọc Trí	Nam	19/08/1994	Kinh		Trúng tuyển
577	1	Sinh học thực nghiệm	Huỳnh Nguyệt Chiêu	Nữ	20/03/2003	Kinh		Trúng tuyển
578	2	Sinh học thực nghiệm	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	09/10/2004	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
579	3	Sinh học thực nghiệm	Ngô Thị Cẩm Tuyên	Nữ	17/03/2002	Kinh		Trúng tuyển
580	4	Sinh học thực nghiệm	Đặng Thanh Nhã	Nữ	29/01/2003	Kinh		Trúng tuyển
581	5	Sinh học thực nghiệm	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	03/09/1998	Kinh		Trúng tuyển
582	6	Sinh học thực nghiệm	Phạm Hiệp Lâm	Nam	05/07/1992	Kinh		Trúng tuyển
583	7	Sinh học thực nghiệm	Nguyễn Phi Toàn	Nam	12/12/1978	Kinh		Trúng tuyển
584	1	Toán giải tích	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	17/03/2004	Kinh		Trúng tuyển
585	2	Toán giải tích	Nguyễn Phương Thùy	Nữ	10/10/2002	Kinh		Trúng tuyển
586	3	Toán giải tích	Huỳnh Thị Ánh Ngọc	Nữ	19/02/2004	Kinh		Trúng tuyển
587	4	Toán giải tích	Nguyễn Thị Quy Trang	Nữ	23/10/2004	Kinh		Trúng tuyển
588	5	Toán giải tích	Phạm Thị Trang Nhã	Nữ	25/10/2003	Kinh		Trúng tuyển
589	6	Toán giải tích	Bùi Quang Tuấn	Nam	01/05/2003	Kinh		Trúng tuyển
590	7	Toán giải tích	Phạm Bùi Yến Nhi	Nữ	30/05/2004	Kinh		Trúng tuyển
591	8	Toán giải tích	Nguyễn Thị Bảo Khanh	Nữ	12/10/2004	Kinh		Trúng tuyển
592	9	Toán giải tích	Mai Hoàng Nhân	Nam	03/03/2003	Kinh		Trúng tuyển
593	10	Toán giải tích	Nguyễn Văn Giáp	Nam	26/08/2003	Kinh		Trúng tuyển
594	11	Toán giải tích	Trần Thị Nguyệt San	Nữ	30/10/2003	Kinh		Trúng tuyển
595	12	Toán giải tích	Nguyễn Cao Huy	Nam	01/11/1997	Kinh		Trúng tuyển
596	1	Địa lý tự nhiên	Đỗ Thị Sơn	Nữ	20/02/1994	Kinh		Trúng tuyển
597	2	Địa lý tự nhiên	Lâm Thị Lan	Nữ	10/11/1992	Nùng		Trúng tuyển
598	3	Địa lý tự nhiên	Ngô Thị Mai Hồng	Nữ	22/08/1993	Kinh		Trúng tuyển

STT	TTN	Ngành đăng ký dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm xét tuyển đã quy đổi	Kết quả xét tuyển
599	4	Địa lý tự nhiên	Hoàng Mộng Giang	Nữ	08/11/2003	Tày		Trúng tuyển
600	5	Địa lý tự nhiên	Nguyễn Thị Xanh	Nữ	20/06/1993	Kinh		Trúng tuyển
601	1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục Thể chất)	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Nữ	01/01/2001	Kinh		Trúng tuyển

Danh sách có 601 ứng viên.

Trong đó:

415 ứng viên trúng tuyển/22 ngành

186 ứng viên không trúng tuyển/6 ngành